

BÁO CÁO

Kết quả xác định Chỉ số Cải cách hành chính năm 2016 của các sở, ban, ngành và UBND cấp huyện trên địa bàn tỉnh Quảng Bình

Thực hiện Quyết định số 3626/QĐ-UBND ngày 11/11/2016 của UBND tỉnh về việc ban hành Kế hoạch triển khai xác định Chỉ số cải cách hành chính năm 2016 của các sở, ban, ngành, UBND các huyện, thành phố, thị xã và UBND các xã, phường, thị trấn trên địa bàn tỉnh Quảng Bình, Sở Nội vụ đã chủ trì, phối hợp với các cơ quan liên quan, hướng dẫn triển khai thực hiện xác định Chỉ số CCHC năm 2016 nhằm đánh giá một cách thực chất, khách quan, công bằng kết quả triển khai kết quả thực hiện công tác CCHC của các sở, ban, ngành cấp tỉnh và UBND các huyện, thị xã, thành phố trên địa bàn tỉnh.

Sở Nội vụ báo cáo tình hình và kết quả xác định Chỉ số CCHC cấp sở, cấp huyện năm 2016 với các nội dung sau:

I. CÔNG TÁC CHỈ ĐẠO ĐIỀU HÀNH

Triển khai kế hoạch UBND tỉnh giao, ngày 02/12/2016, Sở Nội vụ đã tổ chức Hội nghị triển khai và chuyển giao phiếu điều tra xã hội học về các cơ quan, đơn vị, địa phương; theo dõi, đôn đốc việc triển khai thực hiện.

Tham mưu Chủ tịch UBND tỉnh ban hành Quyết định số 4224/QĐ-UBND ngày 30/12/2016 về việc thành lập Hội đồng thẩm định xác định Chỉ số CCHC cấp sở, ban, ngành và cấp huyện năm 2016 gồm 10 thành viên là đại diện lãnh đạo và công chức các Sở: Nội vụ, Tư pháp, Tài chính, Khoa học và Công nghệ, Thông tin và Truyền thông. Từ ngày 10 - 11/01/2017, Hội đồng đã tổ chức họp thẩm định, xác định kết quả sơ bộ chỉ số CCHC các sở, ban, ngành, UBND các huyện, thành phố, thị xã.

Để đảm bảo tính minh bạch, chính xác, khách quan, ngày 17/01/2017, Hội đồng thẩm định đã có Công văn số 73/HĐTĐ đề nghị các sở, ban, ngành, UBND các huyện, thành phố, thị xã giải trình, bổ sung tài liệu kiểm chứng đối với các tiêu chí, tiêu chí thành phần bị trừ điểm. Ngày 20/01/2017, Hội đồng thẩm định đã rà soát điểm đánh giá, xác định kết quả đối với từng tiêu chí, tiêu chí thành phần, quyết định điểm thưởng, điểm trừ của các cơ quan, đơn vị, địa phương trên cơ sở kết quả theo dõi thường xuyên.

II. TÌNH HÌNH TRIỂN KHAI XÁC ĐỊNH CHỈ SỐ CẢI CÁCH HÀNH CHÍNH NĂM 2016

1. Đối tượng và phương pháp xác định Chỉ số CCHC

a. Đối tượng

- Ở cấp tỉnh: Các cơ quan chuyên môn thuộc UBND tỉnh (20 sở, ban, ngành). Sở Du lịch do vừa chia tách từ tháng 6/2016 nên chưa đánh giá.

- Ở cấp huyện: Các huyện, thành phố, thị xã trên địa bàn tỉnh (08 đơn vị).

b. Phương pháp xác định Chỉ số CCHC

- Việc xác định Chỉ số CCHC năm 2016 được thực hiện theo quy định tại Quyết định số 2565/QĐ-UBND ngày 24/8/2016 của UBND tỉnh về việc sửa đổi, bổ sung Đề án "Xác định Chỉ số cải cách hành chính cấp sở, ban, ngành, cấp huyện và cấp xã trên địa bàn tỉnh Quảng Bình".

- Điểm số đánh giá Chỉ số CCHC của các cơ quan, đơn vị, địa phương là kết quả tổng điểm thẩm định của Hội đồng với điểm điều tra xã hội học. Điểm điều tra xã hội học của chỉ số CCHC cấp sở là 18/100 điểm, cấp huyện là 20/100 điểm, được tập hợp từ điểm đánh giá của 6 tiêu chí, 17 tiêu chí thành phần đối với cấp sở, ngành; 20 tiêu chí thành phần đối với cấp huyện; kết quả điểm đánh giá của các tiêu chí, tiêu chí thành phần năm 2016 được tổng hợp từ tổng số 2.847 phiếu điều tra xã hội học tại 28 cơ quan, đơn vị, địa phương. Từ tổng điểm đánh giá này so với tổng điểm tối đa trong bộ chỉ số để tính tỷ lệ đạt được về Chỉ số CCHC của từng đơn vị cụ thể, trình UBND tỉnh xếp hạng CCHC năm 2016.

2. Tình hình triển khai thực hiện xác định Chỉ số CCHC năm 2016

a. Công tác tự đánh giá, chấm điểm

Sau quá trình triển khai, đến ngày 30/12/2016, hầu hết các sở, ban, ngành và UBND các huyện, thành phố đã gửi báo cáo tự đánh giá chấm điểm của đơn vị kèm theo tài liệu kiểm chứng về Sở Nội vụ. Phần lớn các báo cáo tự đánh giá, chấm điểm và tài liệu kiểm chứng đều đầy đủ, hợp lệ. Tuy nhiên, vẫn còn một số đơn vị, địa phương chưa chủ động triển khai kế hoạch nên chậm trễ so với quy định, biểu mẫu tự chấm điểm chưa chính xác (UBND huyện Quảng Trạch), báo cáo, tài liệu kiểm chứng của một số đơn vị, địa phương còn sơ sài, thiếu chính xác, nhiều nội dung chấm còn thiếu, không rõ ràng, tập trung vào các tiêu chí, tiêu chí thành phần: "Xây dựng và tổ chức thực hiện văn bản QPPL", "Cải cách thủ tục hành chính", "Xây dựng và nâng cao chất lượng cán bộ, công chức, viên chức" tại các cơ quan, đơn vị, địa phương, khiến việc rà soát, thẩm định, đánh giá gặp nhiều khó khăn, thời gian thẩm định kéo dài.

(Đính kèm Phụ lục 3, 6 - Điểm thẩm định theo các lĩnh vực, tiêu chí, tiêu chí thành phần đối với các sở, ban, ngành và UBND các huyện, thành phố, thị xã)

b. Tổ chức điều tra xã hội học

Sở Nội vụ đã chủ trì triển khai công tác điều tra xã hội học đối với các sở, ban, ngành và UBND các huyện, thành phố, thị xã với tổng số phiếu điều tra là 2.847 phiếu (tăng 371 phiếu so với năm 2015, tập trung vào 2 đối tượng: Lãnh

đạo cấp Phòng, công chức thuộc Sở, ngành; Doanh nghiệp, tổ chức và người dân có giao dịch với đơn vị điều tra).

Từ ngày 02/12/2016 - 15/12/2016, các cơ quan, đơn vị, địa phương đã tiến hành điều tra, thu thập phiếu, gửi về Sở Nội vụ để tổng hợp, xử lý số liệu, kết quả thu về tổng số 2.847 phiếu, đạt 100% so với tổng số phiếu đã phát ra. Số phiếu cụ thể:

- Lấy phiếu đánh giá cho cấp sở, ban, ngành: 1.647 phiếu (tăng 91 phiếu so với năm 2015), trong đó:

+ Lãnh đạo các sở, ban, ngành đánh giá: 60 phiếu (3 phiếu × 20 sở, ban, ngành);

+ Lãnh đạo các phòng thuộc sở, ban, ngành đánh giá: 396 phiếu (20 phiếu × 19 sở, ban, ngành; riêng Ban Dân tộc 16 phiếu);

+ Lãnh đạo UBND cấp huyện đánh giá: 24 phiếu (03 phiếu × 8 huyện, thành phố, thị xã);

+ Lãnh đạo, công chức các phòng chuyên môn thuộc UBND cấp huyện đánh giá cho sở, ban, ngành quản lý cấp trên: 592 phiếu (04 phiếu × 8 huyện × 18 sở, ngành; Ban Dân tộc điều tra 4 huyện có phòng Dân tộc × 4 phiếu/huyện; Ban QL Khu kinh tế không điều tra đối tượng này);

+ Doanh nghiệp, tổ chức và người dân có liên quan đánh giá: 575 phiếu (giảm 25 phiếu so với năm 2015).

- Lấy phiếu đánh giá cho cấp huyện: 1.200 phiếu (tăng 280 phiếu so với năm 2015), trong đó:

+ Đại biểu HĐND, lãnh đạo UBND cấp huyện đánh giá: 232 phiếu (Đại biểu Hội đồng nhân dân cấp huyện 25 phiếu × 8 huyện, thành phố, thị xã; Lãnh đạo UBND 4 phiếu × 8 huyện, thành phố, thị xã);

+ Lãnh đạo các phòng, đơn vị trực thuộc cấp huyện đánh giá: 200 phiếu (25 phiếu × 8 huyện, thành phố, thị xã);

+ Lãnh đạo UBND cấp xã đánh giá cho UBND huyện: 240 phiếu (30 phiếu × 8 huyện, thành phố, thị xã);

+ Doanh nghiệp hoặc cơ sở sản xuất liên quan và người dân có giao dịch đánh giá: 528 phiếu (66 phiếu × 8 huyện, thành phố, thị xã).

Để đảm bảo tính khách quan của kết quả điều tra xã hội học, các mẫu phiếu điều tra lấy ý kiến của Lãnh đạo UBND cấp huyện và Lãnh đạo, công chức các phòng chuyên môn thuộc UBND cấp huyện đánh giá cho sở, ban, ngành quản lý cấp trên đều được Sở Nội vụ gửi trực tiếp về UBND các huyện, thành phố, thị xã để tiến hành điều tra.

Nhìn chung, công tác điều tra xã hội học phục vụ xác định Chỉ số CCHC năm 2016 được các cơ quan, đơn vị, địa phương triển khai nghiêm túc, khách quan, đúng quy định. Tuy nhiên, còn một số cơ quan, đơn vị, địa phương có

phiếu điều tra chưa cung cấp đầy đủ thông tin cần thu thập (Sở Khoa học và Công nghệ; UBND thị xã Ba Đồn).

Trên cơ sở tổng hợp kết quả phiếu điều tra xã hội học và xử lý số liệu, đã xác định được điểm của 18 tiêu chí, tiêu chí thành phần của 20 sở, ban, ngành và 20 tiêu chí, tiêu chí thành phần của 8 huyện, thành phố, thị xã theo quy định.

(Đính kèm Phụ lục 4, 7 - Điểm điều tra xã hội học đối với các sở, ban, ngành và UBND các huyện, thành phố).

III. KẾT QUẢ XÁC ĐỊNH CHỈ SỐ CCHC NĂM 2016

1. Kết quả chung

Qua xác định Chỉ số CCHC năm 2016 của các sở, ban, ngành và UBND cấp huyện cho thấy tình hình công tác CCHC của các cơ quan, đơn vị, địa phương có nhiều tiến bộ; giá trị Chỉ số CCHC trung bình chung của 20 cơ quan chuyên môn cấp tỉnh đạt được là 84,91%, của 8 đơn vị cấp huyện là 74,65%. Căn cứ chỉ số của các sở, ban, ngành, UBND các huyện, thành phố, thị xã, kết quả xếp hạng Chỉ số CCHC của các cơ quan chuyên môn cấp tỉnh, và UBND cấp huyện (dựa trên phân loại theo Quyết định số 2565/QĐ-UBND ngày 24/8/2016 của UBND tỉnh) cụ thể như sau:

- Nhóm Tốt (đạt chỉ số trên 85% đối với cấp sở, ngành và trên 80% đối với cấp huyện) có 11 sở, ngành và 03 đơn vị cấp huyện gồm các sở: Tư pháp, Giao thông vận tải, Tài nguyên và Môi trường, Ban Quản lý khu kinh tế, Công Thương, Xây dựng, Văn phòng UBND tỉnh, Nội vụ, Tài chính, Kế hoạch và Đầu tư, Ngoại vụ; UBND các huyện, thành phố: Đồng Hới, Quảng Ninh, Tuyên Hóa.

- Nhóm Khá (đạt Chỉ số từ 75% đến dưới 85% đối với cấp sở, ngành và từ 70% đến dưới 80% đối với cấp huyện) có 09 sở, ban, ngành và 03 đơn vị cấp huyện, gồm các sở: Y tế; Nông nghiệp và Phát triển nông thôn, Khoa học và Công nghệ, Thông tin và Truyền thông, Lao động - Thương binh và Xã hội, Thanh tra tỉnh, Ban Dân tộc, Giáo dục và đào tạo, Văn hóa và Thể thao; UBND các huyện, thị xã: Bố Trạch, Lệ Thủy, Thị xã Ba Đồn.

- Nhóm Trung bình (đạt Chỉ số từ 60% đến dưới 75% đối với cấp sở, ngành và từ 60% đến dưới 70% đối với cấp huyện) có 02 đơn vị cấp huyện, gồm: UBND huyện Quảng Trạch, UBND huyện Minh Hóa.

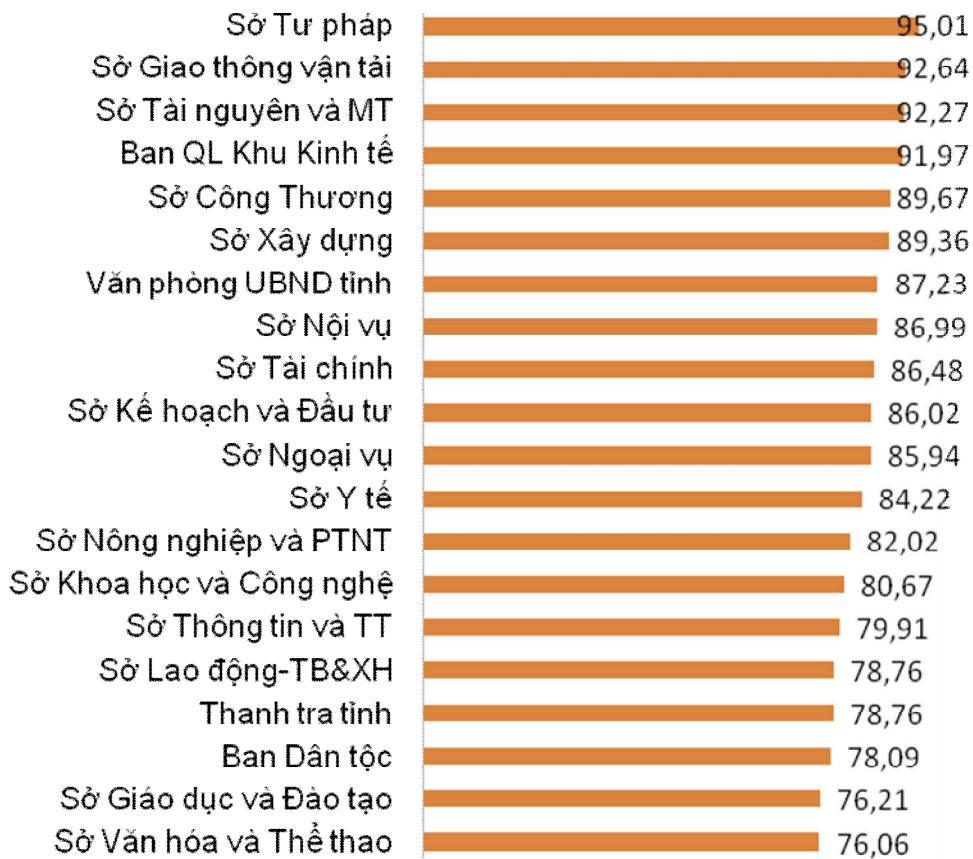
- Không có sở, ban, ngành và đơn vị cấp huyện nào thuộc nhóm Yếu.

Căn cứ Quyết định số 40/2015/QĐ-UBND ngày 20/11/2015 của UBND tỉnh ban hành Quy chế thi đua, khen thưởng tỉnh, có 02 đơn vị cấp huyện (UBND huyện Quảng Trạch, UBND huyện Minh Hóa) chưa đạt đủ điểm để xem xét khen thưởng năm 2016 theo quy định.

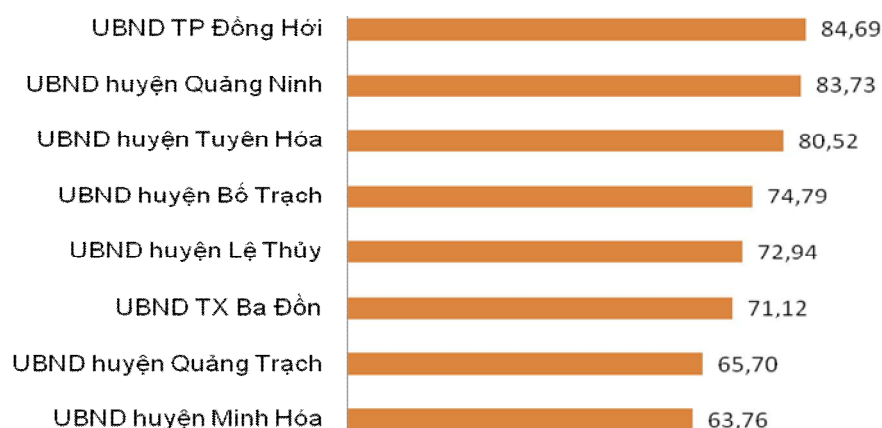
Qua kết quả chỉ số của 8 lĩnh vực CCHC cho thấy, những kết quả đạt được tương đối khách quan, thực chất so với quá trình triển khai thực hiện CCHC năm 2016 của các sở, ban, ngành và UBND cấp huyện. So với những năm trước,

đa số các sở, ban, ngành và UBND cấp huyện đã chủ động, tích cực và có trách nhiệm hơn trong việc triển khai thực hiện công tác CCHC. Vì vậy, không có đơn vị nào đạt chỉ số dưới 60%.

Trong đó, những sở, ban, ngành năng động, coi trọng công tác chỉ đạo, điều hành CCHC, nghiêm túc xây dựng kế hoạch, có sự kiểm tra, thống kê báo cáo đầy đủ các nội dung theo yêu cầu; tổ chức thực hiện nghiêm túc công tác cải cách thủ tục hành chính (TTHC), cải cách tổ chức bộ máy hành chính, nâng cao chất lượng đội ngũ cán bộ, công chức, viên chức, đổi mới cơ chế tài chính, hiện đại hóa hành chính, thực hiện tốt các quy định về thực hiện tiếp nhận và trả kết quả giải quyết TTHC theo cơ chế một cửa, một cửa liên thông... tiếp tục đạt chỉ số cao như: Sở Tư Pháp (đạt 95,01%), Sở Giao thông vận tải (đạt 92,64%), Sở Tài nguyên và Môi trường (đạt 92,27%), UBND thành phố Đồng Hới (đạt 84,69%), UBND huyện Quảng Ninh (đạt 83,73%), UBND huyện Tuyên Hóa (đạt 80,52%)...(Đính kèm Phụ lục 1, 2 - Bảng xếp thứ tự Chỉ số CCHC các sở, ban, ngành và UBND cấp huyện).



Biểu 1: Kết quả chỉ số CCHC năm 2016 của các sở, ban, ngành cấp tỉnh



Biểu 2: Kết quả chỉ số CCHC năm 2016 của các huyện, thị xã, thành phố

2. Các Chỉ số thành phần theo lĩnh vực

a. Công tác chỉ đạo, điều hành CCHC

Kết quả chỉ đạo điều hành CCHC của các cơ quan, đơn vị, địa phương được đánh giá dựa trên nhiều tiêu chí, phụ thuộc phần lớn vào mức độ nhận thức, quyết tâm chính trị và sự chủ động của người đứng đầu đơn vị, tập thể lãnh đạo, cán bộ, công chức, viên chức tại cơ quan đó. Điều này được thể hiện qua việc các sở, ban, ngành và UBND cấp huyện thực hiện tốt công tác chỉ đạo điều hành theo hướng dẫn của UBND tỉnh và cơ quan chuyên môn phụ trách, chủ động trong việc xây dựng sớm các kế hoạch hàng năm với đầy đủ các mục tiêu được xác định rõ ràng, chất lượng tốt như: kế hoạch CCHC, kế hoạch kiểm tra, kế hoạch tuyên truyền; có sáng kiến trong công tác CCHC; bố trí đầy đủ nguồn lực (nhân lực, tài chính) cho công tác CCHC; Có sự phân công và gắn trách nhiệm của người đứng đầu đối với công tác CCHC... đều có kết quả chỉ số đánh giá về công tác chỉ đạo, điều hành CCHC cao, tiêu biểu như: Sở Xây dựng (99,27%), Sở Khoa học và Công nghệ (99,20%), Sở Giao thông vận tải (98,41%), UBND huyện Tuyên Hóa (96,07%)...

Kết quả Chỉ số CCHC năm 2016 cho thấy, công tác chỉ đạo, điều hành CCHC đã có nhiều chuyển biến tích cực, nhất là trong việc xác định và ban hành các kế hoạch, mục tiêu CCHC năm với kết quả đầu ra rõ ràng, cụ thể, quy định rõ trách nhiệm của các cơ quan liên quan; nguồn lực phục vụ công tác CCHC tại các đơn vị, địa phương được quan tâm bố trí đầy đủ hơn; kết quả thực hiện CCHC tại nhiều đơn vị đã được gắn liền với công tác thi đua, khen thưởng; trách nhiệm của người đứng đầu đối với việc thực hiện CCHC ngày càng được nâng cao... Tuy nhiên, bên cạnh kết quả tích cực đó, vẫn còn một số hạn chế trong công tác triển khai dẫn tới kết quả chỉ số chỉ đạo, điều hành CCHC năm 2016 của một số đơn vị mặc dù đã được quan tâm nhưng kết quả đạt được còn thấp: Sở Giáo dục và Đào tạo, UBND huyện Minh Hóa... Cụ thể: Còn một số sở, ngành, địa phương thực hiện chế độ báo cáo định kỳ chậm (Sở Lao động, Thương binh và Xã hội, Sở Y tế, Sở Thông tin và Truyền thông, Thanh tra tỉnh,

UBND huyện Lê Thủy, UBND huyện Minh Hóa); Công tác kiểm tra CCHC đối với cơ quan và các đơn vị trực thuộc tại một số cơ quan, đơn vị, địa phương chưa được triển khai (Sở Văn hóa và Thể thao, Sở Giáo dục và Đào tạo, Thanh tra tỉnh), Tỷ lệ đơn vị được kiểm tra thấp so với tổng số đơn vị trực thuộc (UBND huyện Bố Trạch, UBND huyện Tuyên Hóa), chưa có báo cáo sau kiểm tra (Sở Thông tin và Truyền thông, UBND huyện Bố Trạch, UBND huyện Minh Hóa), nhiều sở, ngành, địa phương chưa gắn công tác thi đua khen thưởng với công tác CCHC, chưa đề ra được các tiêu chí để gắn với thi đua, khen thưởng (Sở Kế hoạch và Đầu tư, Sở Ngoại vụ, Sở Văn hóa và Thể thao, UBND thành phố Đồng Hới, UBND huyện Tuyên Hóa...), còn đơn vị cấp huyện chưa tổ chức xác định chỉ số CCHC cấp xã theo chỉ đạo của UBND tỉnh (UBND huyện Minh Hóa)...

b. Xây dựng và tổ chức thực hiện văn bản QPPL

Các tiêu chí thành phần về xây dựng, tham mưu xây dựng, ban hành và tổ chức thực hiện văn bản QPPL thuộc phạm vi quản lý nhà nước của các sở, ban, ngành và UBND các huyện, thành phố đã đánh giá khá toàn diện công tác triển khai thực hiện tại các đơn vị, địa phương, thể hiện qua các tiêu chí thành phần: mức độ xây dựng và thực hiện chương trình, kế hoạch ban hành văn bản QPPL hàng năm đã được UBND tỉnh phê duyệt; việc thực hiện đúng quy trình xây dựng văn bản QPPL; mức độ phù hợp, tính khả thi, tính hiệu quả của văn bản QPPL; sự chủ động trong xây dựng kế hoạch rà soát, tự kiểm tra, xử lý hoặc kiến nghị xử lý sau rà soát, tự kiểm tra văn bản QPPL; công tác tuyên truyền, phổ biến, giáo dục pháp luật thường xuyên và kịp thời...

Qua đánh giá, có 100% đơn vị đạt chỉ số trên mức 60%. Trong đó, có 25% sở, ban, ngành và 50% đơn vị cấp huyện có chỉ số trên 90% gồm: Sở Tư pháp (97,33%), Sở Giao thông vận tải (95,85%), Sở Tài nguyên và Môi trường (95,04%), UBND huyện Tuyên Hóa (98,15%), UBND thành phố Đồng Hới (96,67%), UBND huyện Quảng Ninh (93,64%)... Tuy nhiên, chỉ số cũng cho thấy, còn một số cơ quan, đơn vị, địa phương chưa hoàn thành các nhiệm vụ thuộc lĩnh vực quản lý, có địa phương đạt chỉ số thấp so với mặt bằng chung: UBND huyện Minh Hóa (69,09%)... do một số nguyên nhân sau: một số sở, ngành, địa phương chưa ban hành Kế hoạch rà soát, hệ thống hóa văn bản QPPL thuộc trách nhiệm rà soát (Sở Xây dựng, Sở Lao động - Thương binh và Xã hội...); chưa có kết quả cụ thể sau rà soát, hệ thống hóa (Sở Khoa học và Công nghệ, UBND huyện Minh Hóa), chưa thực hiện đảm bảo nguyên tắc, trách nhiệm, quy trình rà soát, hệ thống hóa văn bản QPPL thuộc phạm vi rà soát, hệ thống hóa của cơ quan, đơn vị theo quy định (UBND thị xã Ba Đồn, UBND huyện Bố Trạch, UBND huyện Minh Hóa)...

c. Cải cách thủ tục hành chính

Thủ tục hành chính được coi là giải pháp đột phá trong mối quan hệ giải quyết công việc giữa cơ quan nhà nước đối với tổ chức, cá nhân, góp phần nâng cao hình ảnh của cơ quan hành chính nhà nước và đẩy mạnh CCHC nói chung.

Chỉ số cải cách TTHC được đánh giá trên các nội dung: Việc ban hành kế hoạch kiểm soát TTHC, mức độ thực hiện kế hoạch; thực hiện quy trình đánh giá tác động đối với các quy định về TTHC; cập nhật kịp thời các quy định mới ban hành, bổ sung, sửa đổi về TTHC; kiểm soát và tổ chức thực thi các TTHC đã được UBND tỉnh công bố; Công khai TTHC tại cơ quan, đơn vị, địa phương.

Theo kết quả xác định chỉ số năm 2016, chỉ số cải cách TTHC trung bình của các sở, ban, ngành là 87,50%; cấp huyện là 73,13%. Kết quả cụ thể có 100% sở, ngành đạt Chỉ số từ mức khá trở lên; có 8/20 sở, ngành đạt chỉ số trên 90%, tăng 06 sở, ngành so với năm trước (Sở Tư pháp; Sở Tài nguyên và Môi trường cùng đạt 96,67%, tương ứng 14,5/15 điểm). Một số đơn vị tuy đã có sự chủ động trong việc lập kế hoạch và triển khai các công tác cải cách TTHC, nhưng chưa tổ chức đối thoại về TTHC theo Công văn số 790/UBND ngày 14/7/2015 của UBND tỉnh (gồm 13 sở, ban, ngành và 05 đơn vị cấp huyện); chưa thiết lập các chuyên mục khác về TTHC, chưa cập nhật đầy đủ thông tin về TTHC theo Công văn số 1267/UBND-NC ngày 12/8/2016 của UBND tỉnh về việc tăng cường công khai, minh bạch và trách nhiệm giải trình trong thực hiện TTHC (Các sở: Tài nguyên và Môi trường; Kế hoạch và Đầu tư; Tài chính; Giao thông vận tải; Nông nghiệp và Phát triển nông thôn; Nội vụ; Lao động - Thương binh và Xã hội; Thanh tra tỉnh; Giáo dục và Đào tạo; Y tế; Văn hóa và Thể thao; UBND huyện Bồ Trạch); Chưa thực hiện niêm yết công khai đầy đủ hoặc chưa thực hiện tốt việc niêm yết các nội dung hướng dẫn và địa chỉ cơ quan giúp UBND tỉnh tiếp nhận phản ánh, kiến nghị của cá nhân, tổ chức về TTHC tại các địa điểm tiếp nhận hồ sơ theo Công văn số 1267/UBND-NC ngày 12/8/2016 của UBND tỉnh (Sở Tài nguyên và Môi trường; Văn phòng UBND tỉnh; UBND thị xã Ba Đồn; UBND huyện Minh Hóa; UBND huyện Quảng Trạch; UBND huyện Bồ Trạch; UBND huyện Lệ Thủy)... do đó, kết quả chỉ số của một số đơn vị, địa phương chưa cao. Đặc biệt chỉ số cải cách TTHC của một số đơn vị cấp huyện chưa đạt mức trung bình: UBND huyện Minh Hóa (chỉ đạt 48,21%).

d. Cải cách tổ chức bộ máy hành chính nhà nước

Chỉ số cải cách tổ chức bộ máy hành chính nhà nước năm 2016 cho thấy hầu hết các sở, ban, ngành, UBND cấp huyện đã tổ chức thực hiện tốt nội dung cải cách tổ chức bộ máy, góp phần đạt được chỉ số cao tại các tiêu chí về: tuân thủ các quy định của Chính phủ về tổ chức bộ máy; thực hiện chức năng, nhiệm vụ của các cơ quan, đơn vị; thanh tra, kiểm tra tình hình tổ chức và hoạt động của các cơ quan, đơn vị trực thuộc; thực hiện phân cấp quản lý theo quy định; thực hiện thanh tra, kiểm tra, xử lý các vấn đề về phân cấp quản lý... Do đó, chỉ số cải cách tổ chức bộ máy hành chính nhà nước trung bình của các sở, ban ngành và UBND cấp huyện đều đạt mức cao (cấp sở: 93,91%; cấp huyện: 84,64%). Cụ thể, có 17/20 sở, ngành đạt Chỉ số cải cách tổ chức bộ máy hành chính nhà nước trên 90%; các sở, ngành còn lại (Sở Lao động - Thương binh và Xã hội; Thanh tra tỉnh; Ban Dân tộc) đều đạt chỉ số ở mức cao (trên 81%).

Tại cấp huyện, tuy chỉ số trung bình chung ở mức cao nhưng chỉ có 02/8 đơn vị đạt Chỉ số cải cách tổ chức bộ máy hành chính nhà nước trên 90%, 04

đơn vị đạt chỉ số từ 80% trở lên; 02 đơn vị đạt chỉ số từ 70% trở lên. Nguyên nhân dẫn tới một số đơn vị đạt Chỉ số thấp hơn có thể thấy như: mức độ thực hiện tinh giản biên chế chưa đạt kế hoạch đề ra (UBND các huyện, thị xã: Ba Đồn; Lệ Thủy; Quảng Ninh; Bố Trạch; Quảng Trạch; Minh Hóa); một số đơn vị chưa thực hiện kiểm tra tình hình tổ chức và hoạt động của các đơn vị thuộc và trực thuộc (UBND huyện Lệ Thủy; UBND huyện Bố Trạch); chưa thực hiện kiểm tra, đánh giá định kỳ đối với các nhiệm vụ đã phân cấp cho các đơn vị trực thuộc (UBND huyện Lệ Thủy; UBND huyện Tuyên Hóa)...

e. Xây dựng và nâng cao chất lượng đội ngũ cán bộ, công chức, viên chức

Năm 2016, các sở, ban, ngành và UBND cấp huyện đã triển khai thực hiện có hiệu quả việc xây dựng và nâng cao chất lượng đội ngũ cán bộ, công chức, viên chức (Chỉ số của các đơn vị, địa phương đều đạt ở mức cao, trên 74%). Trong đó, các sở, ban, ngành, UBND cấp huyện đạt chỉ số cao gồm: Sở Tư pháp (14,82/15 điểm, đạt 98,81%), Ban Quản lý Khu kinh tế (14,81/15 điểm, đạt 98,70%), UBND huyện Quảng Ninh (14,172/15 điểm, đạt 94,48%), UBND huyện Lệ Thủy (13,24/15 điểm, đạt 91,60%)... Trên cơ sở kết quả, có thể thấy việc xác định cơ cấu công chức, viên chức theo vị trí việc làm; thực hiện bố trí công chức, viên chức được tuyển dụng... đã được các đơn vị, địa phương thực hiện đúng quy định; công tác đào tạo, bồi dưỡng; đánh giá cán bộ, công chức, viên chức được sự quan tâm chỉ đạo thực hiện khá nghiêm túc. Chất lượng cán bộ, công chức viên chức, năng lực chuyên môn, nghiệp vụ, tinh thần trách nhiệm đối với công việc, thái độ phục vụ của cán bộ công chức qua điều tra khảo sát được nhân dân, các tổ chức có liên quan và doanh nghiệp được đánh giá khá tốt.

Tuy nhiên, Chỉ số cũng phản ánh còn một số cơ quan, đơn vị, địa phương chưa ban hành kế hoạch chuyển đổi vị trí công tác hàng năm (Văn phòng UBND tỉnh; Sở Kế hoạch và Đầu tư; Sở Khoa học và Công nghệ; UBND huyện Quảng Trạch); Chưa ban hành kế hoạch đào tạo, bồi dưỡng công chức, viên chức (Văn phòng UBND tỉnh; Sở Nội vụ; Sở Lao động - Thương binh và Xã hội; Sở Giáo dục và Đào tạo; UBND huyện Minh Hóa); hơn 60% đơn vị cấp huyện chưa thực hiện thi thăng hạng viên chức tại các đơn vị thuộc và trực thuộc UBND cấp huyện (UBND các huyện, thị xã, thành phố: Đồng Hới, Ba Đồn, Lệ Thủy, Quảng Trạch, Tuyên Hóa).

Qua điều tra, khảo sát ý kiến người dân và doanh nghiệp về chất lượng cán bộ, công chức, viên chức cho thấy, còn một bộ phận cán bộ, công chức, viên chức có năng lực chuyên môn, nghiệp vụ chưa đáp ứng yêu cầu công việc, tinh thần trách nhiệm đối với công việc chưa cao.

f. Đổi mới cơ chế tài chính

Chỉ số đổi mới cơ chế tài chính được đánh giá trên các tiêu chí về thực hiện cơ chế khoán biên chế và kinh phí hành chính tại các cơ quan hành chính, đánh giá thực hiện cơ chế tự chủ, tự chịu trách nhiệm của các đơn vị sự nghiệp công

lập; điều tra khảo sát tác động của việc thực hiện cơ chế tài chính đối với các cơ quan, đơn vị, địa phương. Qua kết quả cho thấy, 100% cơ quan hành chính đã thực hiện cơ chế khoán biên chế và kinh phí hành chính sự nghiệp; thực hiện cơ chế tự chủ, tự chịu trách nhiệm đối với các đơn vị sự nghiệp trực thuộc đúng quy định, việc đổi mới cơ chế tài chính năm 2016 được thực hiện tương đối tốt. Cụ thể: Chỉ số bình quân chung các sở, ngành đạt 92,14%; chỉ số bình quân cấp huyện đạt 73,09%. Sự chênh lệch chỉ số giữa các đơn vị, địa phương chủ yếu do mức chênh lệch thu nhập tăng thêm bình quân của cán bộ, công chức hàng tháng khi thực hiện cơ chế khoán biên chế và kinh phí hành chính (Cụ thể: có 35,71% cơ quan, đơn vị, địa phương có mức tăng thu nhập trên 500 nghìn đồng/người/tháng; 25% có mức tăng thu nhập từ 300 - 500 nghìn đồng/người/tháng; 28,57% có mức tăng thu nhập từ 100 - 300 nghìn đồng/người/tháng; 10,71% có mức tăng thu nhập dưới 100 nghìn đồng/người/tháng).

Những chỉ số trên cho thấy sự nỗ lực của nhiều đơn vị, địa phương trong đổi mới cơ chế tài chính, thông qua việc thực hiện tốt cơ chế khoán biên chế và kinh phí hành chính tại đơn vị và cơ chế tự chủ, tự chịu trách nhiệm của các đơn vị sự nghiệp trực thuộc, điển hình như: Sở Tư pháp, Sở Công thương, Ban Quản lý Khu kinh tế (đều đạt 4/4 điểm, đạt 100%), UBND huyện Bố Trạch (đạt 4,72/5 điểm, tương ứng 94,44%)...

g. Hiện đại hóa hành chính

Chỉ số hiện đại hóa hành chính được đánh giá tại 3 tiêu chí: Ứng dụng công nghệ thông tin; chất lượng cung cấp thông tin trên Trang thông tin điện tử và áp dụng ISO trong hoạt động của các cơ quan, đơn vị, địa phương. Kết quả có 11 sở, ngành và 01 đơn vị cấp huyện đạt Chỉ số hiện đại hóa hành chính trên 90%. Trong đó, có 03 sở, ngành đạt số điểm tối đa 100% (Sở Tài nguyên và Môi trường; Sở Thông tin và Truyền thông; Ban Quản lý Khu kinh tế). Chỉ số cụ thể cho thấy 100% sở, ban, ngành và UBND cấp huyện đã tổ chức thực hiện ứng dụng công nghệ thông tin trong quản lý nhà nước đúng quy định. Tuy nhiên, tỷ lệ cán bộ, công chức, viên chức sử dụng hộp thư điện tử trong trao đổi công việc chưa cao, nhiều đơn vị đạt dưới 50% (Các sở: VP UBND tỉnh; Kế hoạch và Đầu tư; Công thương; Tài chính; Nông nghiệp và Phát triển nông thôn; Xây dựng; Khoa học và Công nghệ; Giáo dục và Đào tạo; Thanh tra tỉnh; Ban Dân tộc; UBND các huyện, thị xã: Ba Đồn; Lệ Thủy; Bố Trạch; Quảng Trạch; Minh Hóa); Một số sở, ngành, địa phương chưa triển khai phân hệ quản lý hồ sơ thuộc phần mềm quản lý nhân sự (Thanh tra tỉnh; UBND các huyện, thị xã: Ba Đồn; Bố Trạch; Quảng Trạch; Minh Hóa); Nhiều đơn vị thực hiện duy trì, áp dụng ISO 9001:2008 trong hoạt động chưa tốt, đạt mức dưới 60% các thủ tục hành chính (Sở Lao động - Thương binh và Xã hội; UBND thị xã Ba Đồn; UBND huyện Quảng Trạch).

Chất lượng cung cấp thông tin trên Trang thông tin điện tử của một số cơ quan, đơn vị, địa phương chưa được đánh giá cao, mức độ kịp thời, đầy đủ,

thuận tiện trong truy cập, khai thác thông tin về các lĩnh vực quản lý nhà nước còn hạn chế.

h. Thực hiện cơ chế một cửa, một cửa liên thông

Chỉ số thực hiện cơ chế một cửa, một cửa liên thông được đánh giá trên các tiêu chí về xây dựng duy trì Bộ phận một cửa, một cửa liên thông; về số lượng TTHC được giải quyết theo cơ chế một cửa, một cửa liên thông; điều kiện cơ sở vật chất, trang thiết bị tại Bộ phận một cửa, một cửa liên thông; chất lượng phục vụ tại Bộ phận một cửa, một cửa liên thông của các sở, ban, ngành và UBND cấp huyện, cấp xã...

Theo kết quả Chỉ số thực hiện cơ chế một cửa, một cửa liên thông, hiện có 17/20 sở, ngành đang duy trì Bộ phận một cửa, 100% sở, ngành, UBND cấp huyện đang áp dụng cơ chế một cửa, một cửa liên thông trong giải quyết công việc (tại bộ phận một cửa, một cửa liên thông, hoặc tiếp nhận qua 1 đầu mối), 7/8 huyện, thành phố, thị xã đã xây dựng và đưa vào sử dụng Bộ phận một cửa liên thông hiện đại (riêng UBND huyện Quảng Trạch đang trong quá trình xây dựng). Cơ sở vật chất tại Bộ phận một cửa liên thông hiện đại cấp huyện được trang bị đầy đủ, đúng quy định. Qua điều tra khảo sát cho thấy chất lượng giải quyết TTHC tại Bộ phận một cửa, một cửa liên thông tại nhiều cơ quan, đơn vị, địa phương theo đánh giá của người dân, doanh nghiệp ở mức tương đối tốt.

Tuy nhiên, kết quả chỉ số cũng cho thấy một số tồn tại như: vẫn còn đơn vị cấp sở không thực hiện Bộ phận một cửa, một cửa liên thông (Sở Thông tin và Truyền thông, Sở Văn hóa và Thể thao...); Tỷ lệ số thủ tục hành chính được giải quyết theo cơ chế một cửa tại cấp huyện so với số thủ tục hành chính phải giải quyết theo quy định có tỷ lệ thấp, chưa đạt yêu cầu (100% đơn vị cấp huyện đạt dưới 80%); điều kiện về cơ sở, vật chất tại đơn vị hành chính cấp xã của các đơn vị cấp huyện chưa đảm bảo quy định về diện tích, cơ sở vật chất, trang thiết bị tin học,... Việc triển khai Quyết định số 20/2014/QĐ-UBND ngày 05/9/2014 của UBND tỉnh tại các đơn vị, địa phương còn chưa triệt để, một số biểu mẫu chưa được cán bộ, công chức sử dụng.

Qua điều tra khảo sát cho thấy thời gian, chất lượng giải quyết TTHC tại Bộ phận một cửa, một cửa liên thông tại một số cơ quan, đơn vị, địa phương chưa đảm bảo quy định, còn hồ sơ giải quyết chậm, trễ hẹn...

(Đính kèm Phụ lục 5, 8 - Tổng hợp điểm theo các lĩnh vực, tiêu chí, tiêu chí thành phần đối với các sở, ban, ngành cấp tỉnh).

3. Kết quả điểm thưởng, điểm trừ

Điểm thưởng, điểm trừ được Hội đồng thẩm định đánh giá cho điểm đối với từng cơ quan, đơn vị, địa phương theo các tiêu chí:

- Đối với điểm thưởng: Có đề tài, sáng kiến trong triển khai công tác CCHC được cơ quan có thẩm quyền công nhận, phê duyệt, ban hành bằng văn bản; Thực hiện thi tuyển cạnh tranh để bổ nhiệm vào các chức vụ lãnh đạo, quản lý tại các đơn vị thuộc và trực thuộc; Có triển khai thực hiện thu hút nhân tài về

công tác; Có dịch vụ công được cung cấp trực tuyến ở mức độ 3 hoặc mức độ 4; Có Bộ phận tiếp nhận và trả kết quả theo cơ chế một cửa liên thông hiện đại đối với cấp sở và Kết quả điều tra, khảo sát sự hài lòng của người dân, tổ chức đối với việc giải quyết TTHC tại Bộ phận một cửa cấp huyện (M-Score) được đánh giá Tốt đối với cấp huyện.

- Đối với điểm trừ: Đê xảy ra tham nhũng, lãng phí hoặc sai phạm trong quản lý mà cán bộ, công chức, viên chức liên quan bị xử lý kỷ luật mức cảnh cáo trở lên hoặc xử lý trách nhiệm hình sự; Không công khai, minh bạch các thông tin, tài liệu để các tổ chức, cá nhân tiếp cận theo quy định; Đê xảy ra tình trạng chậm trễ, sai sót dẫn đến phản ánh của tổ chức, công dân đối với việc giải quyết TTHC thuộc thẩm quyền cơ quan, đơn vị; Tổ chức điều tra xã hội học không đúng đối tượng, đê xảy ra tình trạng sai sót trong phiếu điều tra (sửa chữa, tẩy xóa,...) vượt 5% tổng số phiếu; Báo cáo tự chấm điểm Chỉ số CCHC thiếu chính xác, thiếu khách quan, sai số quá 5% so với điểm thẩm định.

Qua kết quả theo dõi thường xuyên và các tài liệu kiểm chứng, Hội đồng thẩm định đã thống nhất cho điểm thưởng đối với 10 đơn vị, điểm trừ đối với 15 đơn vị sở, ban, ngành và UBND cấp huyện. Cụ thể:

Cho điểm thưởng đối với 09 sở, ban, ngành và 02 đơn vị cấp huyện. Trong đó, điểm thưởng đối với tiêu chí có đề tài, sáng kiến trong triển khai công tác CCHC được cơ quan có thẩm quyền công nhận, phê duyệt, ban hành văn bản gồm 5 sở, ban, ngành (Văn phòng UBND tỉnh: Giải pháp tổ chức xây dựng, quản lý hồ sơ cán bộ, công chức và các đề tài, sáng kiến khác; Sở Tư pháp: Giải pháp nâng cao hiệu quả hoạt động hòa giải ở cơ sở từ thực tiễn thi hành ở Quảng Bình; Sở Nội vụ: Đơn giản hóa thủ tục, hồ sơ tuyển dụng công chức; Giao thông vận tải: Ứng dụng công nghệ thông tin Quản lý bến xe trên địa bàn tỉnh Quảng Bình...; Tài nguyên và Môi trường: Đề tài sáng kiến CCHC của ông Nguyễn Xuân Dũng và ông Phạm Văn Khương; Ban Quản lý khu kinh tế: Sáng kiến đơn giản hóa TTHC); điểm thưởng đối với tiêu chí có dịch vụ công được cung cấp trực tuyến ở mức độ 3 hoặc mức độ 4 đối với 5 sở, ban, ngành và 01 đơn vị cấp huyện (Sở Tư pháp; Sở Kế hoạch và Đầu tư; Sở Công thương; Sở Giao thông vận tải; Sở Thông tin và Truyền thông; UBND thành phố Đồng Hới); điểm thưởng đối với UBND huyện Tuyên Hóa vì có kết quả điều tra, khảo sát sự hài lòng của người dân, tổ chức đối với việc giải quyết TTHC tại Bộ phận một cửa cấp huyện (M-Score) được đánh giá Tốt.

Cho điểm trừ đối với 06 sở, ban, ngành và 08 đơn vị cấp huyện. Cụ thể: điểm trừ đối với tiêu chí đê xảy ra tham nhũng, lãng phí hoặc sai phạm trong quản lý mà cán bộ, công chức, viên chức liên quan bị xử lý kỷ luật mức cảnh cáo trở lên hoặc xử lý trách nhiệm hình sự gồm 01 đơn vị cấp sở và 08 đơn vị cấp huyện:

STT	Tên cơ quan, đơn vị	Hình thức kỷ luật của cán bộ, công chức thuộc thẩm quyền quản lý
1	Sở Y tế	Có viên chức để xảy ra sai phạm, bị xử lý kỷ luật tại Bệnh viện Đa khoa Bắc Quảng Bình
2	UBND thành phố Đồng Hới	01 công chức cấp xã buộc thôi việc
3	UBND thị xã Ba Đồn	02 cán bộ, công chức cấp xã bị khiển trách, 01 công chức cấp xã bị hạ lương
4	UBND huyện Lệ Thủy	03 cán bộ, công chức cấp xã bị khiển trách, 03 cán bộ, công chức cấp xã bị cảnh cáo
5	UBND huyện Quảng Ninh	02 công chức cấp xã bị khiển trách
6	UBND huyện Bố Trạch	01 cán bộ cấp xã bị cách chức, 05 công chức cấp xã bị khiển trách
7	UBND huyện Quảng Trạch	01 cán bộ cấp xã bị khiển trách; 03 công chức cấp xã bị cảnh cáo
8	UBND huyện Tuyên Hóa	02 cán bộ cấp xã bị cách chức; 01 cán bộ, công chức cấp xã bị cảnh cáo
9	UBND huyện Minh Hóa	02 cán bộ, công chức cấp xã bị cảnh cáo; 02 cán bộ, công chức cấp xã buộc thôi việc

Cho điểm trừ đối với tiêu chí để xảy ra tình trạng chậm trễ, sai sót dẫn đến phản ánh của tổ chức, công dân đối với việc giải quyết TTHC thuộc thẩm quyền cơ quan, đơn vị đối với UBND huyện Quảng Ninh do để xảy ra vụ việc gây rối, cản trở việc đầu tư xây dựng của tập đoàn FLC tại xã Hải Ninh; điểm trừ đối với tiêu chí Báo cáo tự chấm điểm Chỉ số CCHC thiếu chính xác, thiếu khách quan, sai số quá 5% so với điểm thẩm định gồm 05 sở, ban, ngành và 05 huyện, thị xã, thành phố (Sở Thông tin và Truyền thông; Sở Khoa học và Công nghệ; Sở Giáo dục và Đào tạo; Thanh tra tỉnh; Ban Dân tộc; UBND các huyện, thị xã: Ba Đồn; Lệ Thủy; Bố Trạch; Quảng Trạch; Minh Hóa).

III. NHẬN XÉT, ĐÁNH GIÁ VÀ ĐỀ XUẤT, KIẾN NGHỊ

1. Nhận xét, đánh giá

a. Ưu điểm

- Việc triển khai kế hoạch xác định Chỉ số CCHC về cơ bản theo đúng kế hoạch, đảm bảo chất lượng và tiến độ thời gian. Trong quá trình triển khai, Sở Nội vụ đã nhận được sự quan tâm, chỉ đạo của Chủ tịch UBND tỉnh, sự phối hợp chặt chẽ của các sở, ban, ngành và UBND các huyện, thành phố, được đồng đạo

người dân, doanh nghiệp và các tổ chức có liên quan nhiệt tình phối hợp, trả lời phiếu điều tra, khảo sát.

- Việc tổ chức công tác tự đánh giá, chấm điểm được các cơ quan, đơn vị, địa phương tiến hành nghiêm túc, khách quan, tương đối chính xác, việc chấm các tiêu chí dựa trên các căn cứ, tài liệu kiểm chứng đảm bảo độ tin cậy cao. Công tác thẩm định được tổ chức khẩn trương, nghiêm túc, phát huy được sự tham gia của các sở, ban, ngành trong việc đề xuất ý kiến, tham mưu để Sở Nội vụ có cơ sở trình Chủ tịch UBND tỉnh quyết định điểm đánh giá đối với các tiêu chí, tiêu chí thành phần của Chỉ số CCHC các sở, ban, ngành, UBND các huyện, thành phố, thị xã một cách khách quan, công bằng.

- Công tác điều tra xã hội học được triển khai kịp thời, các mẫu phiếu thu về phản ánh tương đối trung thực, khách quan tình hình triển khai công tác CCHC tại các sở, ban, ngành, UBND các huyện, thành phố, thị xã; tạo cơ sở để các cơ quan, đơn vị, địa phương tự đánh giá mức độ hài lòng của các đối tượng điều tra đối với việc thực thi công vụ tại đơn vị mình.

- Chỉ số CCHC phản ánh tương đối khách quan, trung thực kết quả triển khai CCHC thực tế của các sở, ban, ngành, UBND các huyện, thành phố năm 2016; là nguồn thông tin quan trọng giúp các cơ quan, đơn vị, địa phương nhận biết được những mặt mạnh, mặt yếu của mình trong triển khai thực hiện các nhiệm vụ CCHC, từ đó tác động tích cực đến công tác chỉ đạo, điều hành CCHC của người đứng đầu cơ quan hành chính trong các năm tiếp theo.

b. Tồn tại, hạn chế

- Một số cơ quan, đơn vị, địa phương còn lúng túng trong tổ chức thực hiện, chấm điểm theo bộ chỉ số mới. Cơ sở dữ liệu về các lĩnh vực CCHC còn thiếu nên khó khăn cho việc tự đánh giá các tiêu chí, tiêu chí thành phần. Việc phối hợp giữa các cơ quan tham mưu CCHC và các cơ quan liên quan chưa chặt chẽ, thường xuyên nên ảnh hưởng đến công tác tổng hợp, thu thập số liệu để tự chấm điểm cho các tiêu chí, tiêu chí thành phần của Chỉ số CCHC.

- Nguồn lực triển khai xác định Chỉ số CCHC còn thiếu. Nhất là công tác điều tra xã hội học các nhóm đối tượng phải tiến hành với quy mô mẫu lớn, thời gian triển khai ngắn, trong khi sự phối hợp của một số cơ quan còn chậm, ảnh hưởng đến tiến độ điều tra xã hội học.

- Một số sở, ban, ngành, UBND các huyện, thành phố, thị xã chưa quan tâm chỉ đạo chặt chẽ, thường xuyên, quyết liệt nên kết quả triển khai chậm so với quy định, báo cáo tự đánh giá, chấm điểm sơ sài, không theo hướng dẫn của và thiếu các tài liệu kiểm chứng, do đó phải yêu cầu bổ sung tài liệu và hoàn thiện lại báo cáo, ảnh hưởng đến tiến độ thời gian.

2. Đề xuất, kiến nghị

Để đảm bảo triển khai xác định Chỉ số CCHC năm 2017 và các năm tiếp theo tốt hơn, nâng cao hiệu quả thực hiện công tác CCHC tại các cơ quan, đơn

vị, địa phương trong thời gian tới, Sở Nội vụ đề xuất, kiến nghị một số vấn đề sau :

- Đề nghị các sở, ban, ngành, UBND các huyện, thành phố, thị xã căn cứ vào Chỉ số CCHC năm 2016, chủ động phối hợp với các cơ quan, đơn vị liên quan, có giải pháp cần thiết trong xây dựng, tổ chức thực hiện các nội dung kế hoạch CCHC năm 2017, nâng cao chất lượng, hiệu quả triển khai CCHC của mình, nhất là tập trung vào những lĩnh vực còn yếu. Tiếp tục quan tâm chỉ đạo và chuẩn bị các điều kiện cần thiết để tổ chức triển khai tốt hơn kế hoạch CCHC tại đơn vị, chuẩn bị cho việc xác định Chỉ số CCHC năm 2017 và các năm tiếp theo.

- Trên cơ sở rút kinh nghiệm trong triển khai xác định Chỉ số CCHC năm 2016, đề nghị các cơ quan, đơn vị, địa phương xem xét, rút kinh nghiệm công tác tổ chức tự chấm điểm, triển khai điều tra xã hội học được tốt hơn để kết quả thu được phản ánh thực chất, khách quan ý kiến của người dân, tổ chức, cán bộ, công chức đánh giá về kết quả CCHC cấp sở, cấp huyện; rút ngắn thời gian xác định chỉ số.

Với những kết quả đã đạt được nêu trên, Sở Nội vụ kính báo cáo và đề nghị Chủ tịch UBND tỉnh quyết định công bố Chỉ số CCHC năm 2016 của các sở, ban, ngành, UBND các huyện, thành phố trên địa bàn tỉnh Quảng Bình./.

Nơi nhận:

- UBND tỉnh (b/c);
- Các sở, ban, ngành cấp tỉnh;
- UBND cấp huyện;
- Lưu: VT, CCHC.

**KT.GIÁM ĐỐC
PHÓ GIÁM ĐỐC**

(Đã ký)

Hoàng Văn Cường